| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày 08-8-2025<br>V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Tường Vy- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1992; thường trú: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay là xã V, tỉnh Quảng Trị); địa chỉ liên lạc: Số A, đường số B, Khu dân cư H, khu phố B, phường A thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1984; thường trú: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay là xã V, tỉnh Quảng Trị); tạm trú: Số E đường B, khu dân cư T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***-*** *Theo* Đơn"*đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2025, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn N đã tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2015, quyển số 01/2015 ngày

22/7/2015. Hôn nhân của bà H và ông N là tự nguyện và có sự chấp thuận của hai bên gia đình.

Cuộc sống gia đình hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tiếng nói chung cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Nay bà Bùi Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Bùi Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung là cháu Bùi Minh V, sinh ngày 14/6/2016. Hiện cháu Bùi Minh V đang sống cùng ông Bùi Văn N tại địa chỉ: Số E, đường số B, Khu dân cư ương mại"thương mại S, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau ly hôn, bà Bùi Thị H yêu cầu ông Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Bùi Văn N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, lời khai trong quá trình tố tụng ông N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với bà Bùi Thị H về quan hệ hôn nhân và con chung. Ông N xác định vợ chồng có mẫu thuẫn nhưng không nghiêm trọng, ông vẫn còn tình cảm với bà Bùi Thị H nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông N không có ý kiến.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, sau khi đại diện Tòa án nêu nội dung của buổi làm việc thì được đại diện Hội liên hiệp phụ nữ phường cho biết: bà H và ông N không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án bà H và ông N không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Hội liên hiệp phụ nữ phường cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa bà H và ông N. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Thị H và bị đơn ông Bùi Văn N đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng. Căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: bà Bùi Thị H và bị đơn ông Bùi Văn N tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2015 do UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 22/7/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông N. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập Bùi Văn N để hòa giải nhưng bà H có đơn đề nghị từ chối hòa giải. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Bùi Thị H.

[3] Về con chung: Hiện cháu Bùi Minh V đang sinh sống cùng ông Bùi Văn N và do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng ông Bùi Văn N cũng không có ý kiến gì về việc bà H yêu cầu ông N trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, ngoài ra nguyện vọng của cháu V cũng muốn được sống cùng với cha (ông Bùi Văn N). Xét thấy, việc giao cháu cháu Bùi Minh V, sinh ngày 14/6/2016 cho ông Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhân sự tự nguyện của bà Bùi Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng"đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn ông Bùi Văn N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Bùi Văn N (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2015 do UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh) cấp ngày 22/7/2015.

1.2 Về con chung: Bà Bùi Thị H giao con chung là Bùi Minh V, sinh ngày 14/6/2016 cho ông Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002245 ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị H còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16;
- Phòng THADS khu vực 16;
- TAND TP.HCM;
- Lưu văn thư; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**